

Số: 66/2020/QĐST-HNGĐ

Thành phố Huế, ngày 13 tháng 02 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 25/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2020, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Phương C, sinh năm 1990; địa chỉ: Kiệt A đường L (Tổ 8, khu vực 2), phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế;

- Bị đơn: Anh Trịnh Văn T, sinh năm 1992;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Phố M, phường Q, thành phố A, tỉnh Thanh Hóa;

Địa chỉ tạm trú: Kiệt A đường L (Tổ 8, khu vực 2), phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 7 Điều 26, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 02 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 02 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Phương C và anh Trịnh Văn T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Phương C và anh Trịnh Văn T.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị Phương C và anh Trịnh Văn T có 01 con chung tên là Trịnh Gia H, sinh ngày 07/3/2018; hiện nay cháu Trịnh Gia H đang

ở với chị Nguyễn Thị Phương C, nay thuận tình ly hôn chị Nguyễn Thị Phương C và anh Trịnh Văn T thỏa thuận như sau: Giao cháu Trịnh Gia H, sinh ngày 07/3/2018 cho chị Nguyễn Thị Phương C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu Trịnh Gia H trưởng thành, đủ 18 tuổi. Anh Trịnh Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung là cháu Trịnh Gia H mỗi tháng 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng)/tháng kể từ tháng 02/2020 cho đến khi cháu Trịnh Gia H trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả khoản tiền, hàng tháng, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Phương C và anh Trịnh Văn T xác nhận vợ chồng không có sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị Phương C tự nguyện chịu toàn bộ án phí thuận tình ly hôn là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) và án phí cấp dưỡng nuôi con thay cho anh Trịnh Văn T là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Tổng cộng cả hai loại án phí ly hôn và cấp dưỡng chị Nguyễn Thị Phương C phải chịu là 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị Nguyễn Thị Phương C đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2013/009083 ngày 13 tháng 01 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế; chị Nguyễn Thị Phương C đã nộp đủ án phí, nay không phải nộp.

3. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT-Huế;
- VKSND thành phố Huế;
- Chi cục THADS TP. Huế;
- UBND phường T, thành phố H (Chị Nguyễn Thị Phương C và anh Trịnh Văn T ĐKKH số 07/2018, ngày 15/01/2018);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; Lưu dán án.

THẨM PHÁN

Huỳnh Trọng Cẩn